

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy
học kỳ II năm học 2024 - 2025 của Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐĐH ngày 02/5/2024 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trường Y Dược thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-ĐHĐN ngày 19/6/2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-ĐHĐN ngày 17/3/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí của sinh viên hệ chính quy học kỳ II năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng về việc xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy học kỳ II năm học 2024 - 2025 ngày 02/4/2025;

Theo đề nghị của Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024 - 2025 của Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng cho 35 (ba mươi lăm) sinh viên hệ chính quy, cụ thể như sau:

1. Miễn 100% học phí: 15 sinh viên;
 2. Giảm 70% học phí: 16 sinh viên;
 3. Giảm 50% học phí: 04 sinh viên.
- (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Công tác sinh viên, Quan hệ doanh nghiệp và Truyền thông, Hiệu trưởng Trường Y Dược, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TYD.

TUQ. GIÁM ĐỐC

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG Y DƯỢC



TS.BS. Lê Viết Nho

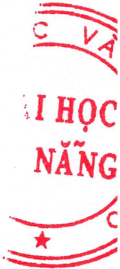
PHỤ LỤC I

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 1496/QĐ-ĐHĐN ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Lớp	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Diện chính sách	Mức học phí	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	D21	217720201130	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/10/2003	Kinh	CTB	13.800.000	13.800.000	
2	D21	217720201140	Võ Thị Ánh Tuyết	20/01/2003	Kinh	CTB 4/4, 35%	13.800.000	13.800.000	
3	D21	217720201120	Nguyễn Thị Kim Ngân	27/03/2003	Kinh	Khuyết tật	13.800.000	13.800.000	
4	D23	237720201014	Nông Thị Hậu	24/10/2005	Tày	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	13.800.000	13.800.000	
5	DD21	217720301151	Nguyễn Phúc Khánh Đan	05/5/2003	Kinh	Khuyết tật	10.450.000	10.450.000	
6	DD23	237720301001	Nay H' Hồng	27/8/2004	Jrai	Khuyết tật	10.450.000	10.450.000	
7	DD23	237720301022	Bàn Thị Yến Nhi	26/02/2005	Dao	Dân tộc thiểu số - Hộ cận nghèo	10.450.000	10.450.000	
8	DD24	247720301027	ZoRâm Thị Nghi	12/01/2006	Cơ tu	Dân tộc thiểu số - Hộ cận nghèo	10.450.000	10.450.000	
9	DD24	247720301003	Kpă Sa H' Blan	26/11/2005	Jrai	Dân tộc thiểu số - Hộ cận nghèo	10.450.000	10.450.000	
10	YK19A	197720101001	Đỗ Thành An	19/01/2001	Kinh	CTB 3/4, 45%	13.800.000	13.800.000	
11	YK19A	197720101006	Nguyễn Thị Ánh Dũng	27/01/2001	Kinh	CTB 4/4, 21%	13.800.000	13.800.000	
12	YK20A	207720101010	Nguyễn Đình Thành Công	26/3/2002	Kinh	CTB 4/4, 32%	13.800.000	13.800.000	
13	YK21B	217720101070	Hà Ngọc Quân	06/02/2002	Mường	Dân tộc thiểu số - Hộ cận nghèo	13.800.000	13.800.000	
14	YK22B	227720101058	Lê Thị Bảo Châu	25/02/2003	Kinh	CTB 4/4, 23%	13.800.000	13.800.000	
15	RHM23	237720501010	Triệu Thị Hào	09/7/1993	Kinh	CBB 3/4, 41%	13.800.000	13.800.000	
Tổng cộng								190.250.000	

Bảng chữ: Một trăm chín mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Danh sách này có 15 sinh viên./.



PHỤ LỤC II

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1496/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Lớp	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày	Dân tộc	Vùng thôn/bán đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi	Mức học phí	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	DD21	217720301150	Ksor	12/3/2002	Jrai	Bôn Thăm, Ia Trók, Ia Pa, Gia Lai	10.450.000	7.315.000	
2	DD22	227720301008	Siu Gem	06/9/2004	Jrai	Bôn Tong Se, Ia Trók, Ia Pa, Gia Lai	10.450.000	7.315.000	
3	DD22	227720301034	KSor	04/4/2003	Jrai	Chư Krih, Chư Drăng, Krông Pa, Gia Lai	10.450.000	7.315.000	
4	DD22	227720301021	Phạm Thị Thùy Linh	24/8/2004	Tày	Giang Hà, Ea Dăh, Krông Năng, Đắk Lắk	10.450.000	7.315.000	
5	DD22	227720301030	Siu Lan	09/5/2003	Jrai	Plei Kte lớn B, Ia Yeng, Phú Thiện, Gia Lai	10.450.000	7.315.000	
6	DD23	237720301028	Y	02/3/2004	Dê	Ro óc Nặm, Đắk Nhoong, Đắk Glei, Kon Tum	10.450.000	7.315.000	
7	DD23	237720301034	Đinh Lê Thị Mỹ Trang	09/10/2004	H'rê	Xà Ấy, Sơn Cao, Sơn Hà, Quảng Ngãi	10.450.000	7.315.000	
8	RHM20	207720501256	Vì Thanh Tuyền	09/7/2002	Thái	Plei Oí, Ayun Hạ, Phú Thiện, Gia Lai	13.800.000	9.660.000	
9	RHM21	217720501200	Nguyễn Ngọc Huyền	21/11/2003	Nùng	Quảng Hợp, Quảng Sơn, Đắk Glong, Đắk Nông	13.800.000	9.660.000	
10	RHM24	247720501022	Lương Gia Nghi	04/8/2006	Thái	Plei Ring Đáp, Ayun Hạ, Phú Thiện, Gia Lai	13.800.000	9.660.000	
11	YK20B	207720101060	Phạm Minh Nghĩa	29/12/2001	Thái	Giang Hà, Ea Dăh, Krông Năng, Đắk Lắk	13.800.000	9.660.000	
12	YK20B	207720101093	Lương Thị Thùy	18/10/2001	Tày	Hợp Thành, Tri Phương, Trùng Khánh, Cao Bằng	13.800.000	9.660.000	
13	YK20B	207720101047	Nông Triệu Cẩm Linh	28/10/2002	Nùng	Buôn Kri, Ea Sol, Ea H' Leo, Đắk Lắk	13.800.000	9.660.000	
14	YK21A	217720101081	H Thoa Niê	27/8/2003	Ê đê	Ea K'joh A, Ea Drông, Buôn Hồ, Đắk Lắk	13.800.000	9.660.000	
15	YK23A	237720101036	Nông Thị Thanh Tâm	11/4/2005	Tày	Bản Ngán, Quang Trung, Trùng Khánh, Cao Bằng	13.800.000	9.660.000	
16	XN23	237720601040	Nay H' Trinh	09/4/2003	Jrai	Chư Bông, Chư Gu, Krông Pa, Gia Lai	10.450.000	7.315.000	
Tổng cộng								135.800.000	

Bảng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn.

Danh sách này có 16 sinh viên. / 24

PHỤ LỤC III

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 149/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Lớp	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Diện chính sách	Mức học phí	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	RHM21	217720501212	Nguyễn Hà	25/06/2003	Con của người bị tai nạn lao động	13.800.000	6.900.000	
2	RHM21	217720501226	Hà Thắng	06/11/2003	Con của người bị tai nạn lao động	13.800.000	6.900.000	
3	YK22B	227720101090	Trịnh Thị Xuân	29/7/2004	Con của người bị tai nạn lao động	13.800.000	6.900.000	
4	YK24B	247720101112	Nguyễn Hữu Toàn	25/10/2005	Con của người bị tai nạn lao động	13.800.000	6.900.000	
Tổng cộng							27.600.000	

Bảng chữ: Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn.

Danh sách này có 05 sinh viên. / 2

